Nguyên nhân phụ nữ đồng bằng sông Cửu Long kết hôn với người Đài Loan

(Nghiên cứu tại Cần Thơ, Tiền Giang, Đồng Tháp, Hậu Giang, An Giang và Vĩnh Long)

TRẦN THỊ KIM XUYẾN

DẪN NHẬP

Nhiều năm trở lại đây, việc kết hôn với người nước ngoài nói chung và với người Đài Loan nói riêng đã trở thành một hiện tượng phổ biến ở nước ta, đặc biệt là xu hướng lấy chồng Đài Loan của nữ thanh niên ở đồng bằng sông Cửu Long. Hiện tượng này hàm chứa trong nó nhiều vấn đề phức tạp nảy sinh từ sự chênh lệch về tuổi tác, sự cách biệt về không gian, khác biệt về ngôn ngữ, văn hóa... và cùng với nó là tệ nạn buôn bán phụ nữ, sự lan truyền của lối sống chuộng vật chất trong cộng đồng dân cư và các vấn đề xã hội tiêu cực khác đã làm cho nhiều người không khỏi băn khoăn.

Đồng thời, "lấy chồng Đài Loan" là một trong những chủ đề được đề cập nhiều trên các phương tiện truyền thông đại chúng theo những góc nhìn khác nhau. Tình hình này cũng làm cho giới quản lý và những nhà nghiên cứu cũng quan tâm.

Vấn đề phụ nữ đồng bằng sông Cửu Long kết hôn với người Đài Loan như một phong trào không chỉ là hiện tượng bất thường mang tính thời sự, kéo theo những hệ quả xã hội không mong muốn, dẫn đến những đánh giá khác nhau trong dư luận xã hội, đòi hỏi các nhà quản lý các cấp phải quan tâm, mà còn là hiện tượng mang ý nghĩa học thuật trong khoa học xã hội, đặc biệt trong lĩnh vực nghiên cứu lối sống và gia đình. Đó chính là lý do vì sao tôi chọn chủ đề này cho báo cáo của mình.

Báo cáo trình bày về những nguyên nhân khách quan và chủ quan của hiện tượng này. Những nhận định trong bài viết dựa trên kết quả của cuộc nghiên cứu "tìm hiểu thực trạng phụ nữ kết hôn với người Đài Loan tại đồng bằng sông Cửu Long" do Ủy ban Dân số - Gia đình và Trẻ em, Viện Nghiên cứu Dân số - Gia đình và Khoa Xã hội học, Trường Đại học Khoa học xã hội và Nhân văn thành phố Hồ Chí Minh thực hiện.

CÁC PHÂN TÍCH

1. Hình dung về nguyên nhân của hiện tượng phụ nữ đồng bằng sông Cửu Long kết hôn với người Đài Loan

Dưới sự quan tâm lãnh đạo của Đảng và Nhà nước, trong những năm gần đây đồng bằng sông Cửu Long đã thực hiện chuyển đổi cơ cấu kinh tế, thay đổi phương pháp quản lý và đã đạt được những thành tích đáng kể. Nhìn chung, đời sống của người dân ngày càng được nâng cao, tình hình nghèo đói đã được cải thiện đáng kể. Năm 1993 tỷ lệ nghèo chiếm 47,1%, năm 1998 hạ xuống, còn 36,9% và đến năm 2002 chỉ còn 23,4% (Báo cáo phát triển Việt Nam năm 2004).[1]

Người dân nông thôn của các tỉnh đồng bằng sông Cửu Long chủ yếu sống bằng nghề nông, nhưng vì khu vực này đang có sự biến động rất lớn về đất đai, nhiều người không có đất canh tác, nhiều người sống bằng nghề làm thuê. Cùng với việc cơ giới hóa, hiện đại hóa, nguồn lao động dư thừa ở nông thôn đang tăng lên đáng kể. Do vậy, ngay tại các tỉnh thuộc khu vực này, đang diễn ra sự chênh lệch lớn về mức sống giữa khu vực nông thôn và đô thị. Bối cảnh này dẫn đến xu hướng dịch chuyển lao động từ nông thôn ra đô thị để đảm bảo thu nhập cho gia đình. Đồng thời, cùng với hiện tượng di cư từ nông thôn ra đô thị, người ta cũng quan sát thấy một sự dịch chuyển nhân khẩu mang tính đặc thù, đó là xu hướng kết hôn với người Đài Loan.

Theo số liệu của Văn phòng Phòng Kinh tế - Văn hóa Đài Bắc tại thành phố Hồ Chí Minh, trong khoảng 1995-2003, tổng số cô gái Việt Nam được phép nhập cảnh Đài Loan vì lý do kết hôn là 72.411 người (bình quân 10.000 cặp/năm). Trong những năm gần đây, số lượng các cô gái lấy chồng Đài Loan ở các tỉnh thuộc đồng bằng sông Cửu Long ngày càng tăng.

Đặc biệt, tỷ lệ cô dâu Việt Nam kết hôn với người Đài Loan ở các tỉnh đồng bằng sông Cửu Long cao vượt trội so với toàn quốc. Chẳng hạn, năm 2003, cả nước có 11.358 cô gái kết hôn với người Đài Loan, nhưng số lượng các cô gái lấy chồng Đài Loan ở các tỉnh thuộc đồng bằng sông Cửu Long đã là 7.285 (chiếm 64,14%).[2]

1.1. Kỳ vọng vào sự cải thiện về kinh tế gia đình thông qua việc kết hôn với người Đài Loan

Những kết quả khảo sát tại các điểm nghiên cứu của chúng tôi cho thấy, tại khu vực nông thôn ở đồng bằng sông Cửu Long, sự hạn chế về cơ sở sản xuất và khả năng phát triển các ngành nghề phi nông nghiệp đã cản trở người dân về khả năng tạo thu nhập.

Những chủ hộ - gia đình có con gái kết hôn với người Đài Loan đa phần là những người có trình độ học vấn thấp, không có trình độ chuyên môn, chủ yếu làm nghề nông, thiếu đất, phải đi làm thuê. Một số hộ làm nghề dịch vụ, buôn bán nhỏ

[1] Nghèo. Báo cáo phát triển Việt Nam 2004. Báo cáo chung của các nhà tài trợ tại Hội nghị Tư vấn các nhà tài trợ Việt Nam. Hà Nội, 2-3 tháng 12 năm 2003.
[2] Báo cáo thống kê của Văn phòng đại diện Kinh tế - Văn hóa Đài Bắc tại thành phố Hồ Chí Minh.

nhưng cuộc sống vẫn rất bấp bênh. Vì thu nhập thấp, họ không có điều kiện trang trải cho miếng cơm manh áo hàng ngày, nhiều người tuy cuộc sống có khá hơn nhưng cũng chỉ đủ ăn. Mỗi khi gặp những sự cố từ thiên tai hoặc trong gia đình có những người bị bệnh nặng, họ lại lâm vào hoàn cảnh khó khăn hơn.

Do vậy, nhiều người dân tại đồng bằng sông Cửu Long đã kỳ vọng vào việc lấy chồng Đài Loan của các con gái. Thực tế cũng cho thấy gả con cho người Đài Loan là việc làm mang lại hiệu quả rất nhanh chóng (Xem biểu đồ 1)

Biểu đồ 1: Mức sống hộ gia đình trước và sau khi con gái lấy chồng Đài Loan

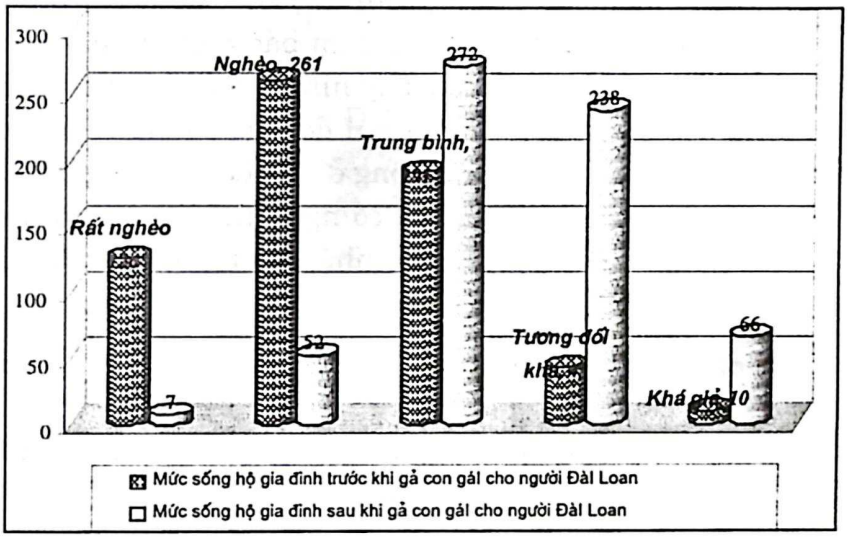

Nguồn: Xử lý kết quả phỏng vấn mẫu bằng bảng hỏi đối với bố mẹ các cô gái lấy chồng Đài Loan.

Như vậy, không phải ngẫu nhiên mà mọi câu trả lời cho nguyên nhân kết hôn với người Đài Loan của các cô gái đều nhấn mạnh vào yếu tố kinh tế. Không ít người đã vội vàng đánh giá rằng các gia đình này và những cô gái của họ vì ham tiền mà không để ý đến những hệ quả khác. Tuy nhiên, để tìm hiểu thấu đáo vấn đề, cần phải phân tích kỹ hơn những nguyên nhân khác nữa.

2.1. Thái độ chấp nhận của cộng đồng

Ngoài ra, hiện tượng kết hôn với người Đài Loan còn có một nguyên nhân khác, là thái độ chấp nhận của cộng đồng. Qua tiếp xúc với những người dân trong cộng đồng và chính các cô gái, chúng tôi nhận thấy, mặc dù nhiều ý kiến không đồng tình nhưng đa số người dân trong cộng đồng không có thái độ phản đối với hiện tượng các cô gái kết hôn với người Đài Loan. Lý do làm họ không phản đối gay gắt là vì họ thông cảm cho những gia đình khó khăn và đồng tình với sự báo hiếu cho cha mẹ của các cô gái này.

Qua những lời tự sự của các cô gái và ý kiến của người dân địa phương, cha mẹ là người có công sinh thành và nuôi dưỡng con cái từ nhỏ tới lớn. Khi lớn lên, có điều kiện, con cái phải có nghĩa vụ giúp đỡ cha mẹ - làm được điều đó mới được coi là người con có hiếu. Sự báo hiếu này không chỉ thể hiện bằng sự chăm sóc tinh thần, mà cả vật chất nữa. Đây là một cơ chế để giải tỏa "sức ép tái sinh sản": để tồn tại,

người ta phải có năng lực không chỉ kiếm sống cho riêng mình, mà còn có khả năng hỗ trợ những người khác để họ hỗ trợ mình lúc già yếu, bệnh tật (Robertson, 1991).[3] Trong quan niệm này, ý nghĩa nhóm, gia đình được đề cao, còn yếu tố cá nhân ở vị trí thứ yếu.

Đây là vấn đề nhận thức của cả cộng đồng, xã hội chứ không riêng gì của chính các cô gái muốn lấy chồng Đài Loan.

3.1. Sự gặp nhau giữa nhu cầu và khả năng đáp ứng

Với quan niệm báo hiếu cho cha mẹ vẫn được đề cao ở địa phương, các cô gái đều mong muốn người chồng tương lai có thể đảm bảo điều kiện vật chất cho cả gia đình, để cuộc sống bản thân được tốt hơn... Tuy nhiên, hy vọng đó không được những thanh niên trong cộng đồng đáp ứng. Trong khi đó, các chàng trai Đài Loan lại gặp một hoàn cảnh tương tự ở nước họ. Do mức sống ở Đài Loan tương đối cao, tiêu chuẩn về người bạn đời của những cô gái có học và có nghề nghiệp ổn định đưa ra thường cao hơn mức mà những người đàn ông có thu nhập trung bình và vị thế xã hội thấp có thể đáp ứng được.

Theo Cục Thống kê Bộ Nội vụ (MOI,1999c), vào năm 1998, chỉ có 50% trong số những người đàn ông độc thân ở độ tuổi từ 30 đến 39, với vị thế nhân khẩu - xã hội thấp, hạn chế về giáo dục, thân thế nghề nghiệp và nơi cư trú không cao là có khả năng kết hôn với một cô gái có cùng tiêu chí tương tự.[4]

Khung 1

a. Chú rể 38 tuổi. "Đây là một trong những vấn đề rắc rối của chúng tôi. Chúng tôi bên đấy rất khó lấy vợ (cười). Hồi trước thì bạn bè nhiều, nhưng lúc đó thì chưa muốn lấy vợ, còn ham chơi, với lại nghề nghiệp thì cũng chưa ổn định. Tới lúc muốn cưới vợ thì không tìm được ai. Nghe bạn nó giới thiệu thì cũng muốn sang Việt Nam tìm hiểu (cười)..."

Nguồn: PVS chú rể Đài Loan đến nhận quyết định kết hôn tại Sở Tư pháp tỉnh An Giang

b. Chú rể 50 tuổi. "Thật ra ở bên đó nó đâu có như bên này. Con gái ở bển khó quen lắm. Cũng như dạng những cô gái ăn chơi đó. Những người mình có thể làm quen được thì họ không tốt, còn những mẫu người rất lý tưởng thì mình không làm quen được. Họ là con nhà đàng hoàng lắm, rất tốt, nhưng đa số lại không thích kết hôn, họ chú tâm cho sự nghiệp nhiều hơn. Nói chung bên đó cũng khó lấy vợ, những người mà khá thành đạt thì còn dễ, còn bình thường như chúng tôi thì hơi khó (cười)... Hồi trước tôi không có ý định kết hôn, lúc còn thanh niên đó, yêu nhưng chưa có nghề nghiệp ổn định, năng lực cũng kém, kết hôn về đâu biết làm gì, thế rồi thôi. Bây giờ lớn rồi, khi sự nghiệp ổn định, muốn lấy vợ thì không còn người nữa, già rồi... 50 rồi".

Nguồn: PVS chú rể Đài Loan đến nhận quyết định kết hôn tại Sở Tư pháp tỉnh An Giang

[3] Xem Mai Huy Bích: *Xã hội họcgia đình*, Nxb Khoa học xã hội. Hà Nội - 2003

[4] Hong-zen Wang and Shu-ming chang The Comodification of International Marriages: Cross border Marriage Business in Taiwan and Vietnam. Blackwell Publishers Ltd

Vì vậy, những người đàn ông Đài Loan khi còn trẻ thường tập trung cho sự nghiệp và tích lũy tài chính. Nhiều người khi chợt nhận ra đã đến lúc cần lấy vợ thì tuổi đã lớn, họ không thể lấy được người vợ như mình mong muốn. Những người có vị thế thấp lại càng gặp khó khăn hơn. Mặt khác, những thông tin từ nhiều nguồn khác nhau đã đem đến cho họ một cơ hội mới - lấy vợ Việt Nam. Chính vì vậy, họ đã thử vận may bằng hình thức du lịch tự do hoặc thông qua công ty môi giới.

Đồng thời, các tiêu chuẩn về người vợ của đàn ông Đài Loan cũng phù hợp với những đặc điểm của cô gái Việt Nam. Các cô gái Việt Nam trong sự hình dung của họ là những người phụ nữ cần cù, chịu khó, thương chồng, hiếu thảo với cha mẹ và biết chịu đựng.

Một đại diện của Văn phòng Đại diện Kinh tế - Văn hóa Đài Bắc tại thành phố Hồ Chí Minh cũng đã phát biểu: "Cô dâu Việt Nam có vẻ ngoài hoàn toàn giống như các cô dâu Đài Loan, cũng như rất có hiếu với gia đình chồng, sống giản dị, chăm chỉ, dịu dàng và sẵn sàng gánh vác cùng chồng".[5]

Ở đây, cô dâu Việt Nam và chú rể Đài Loan gặp nhau trong hôn nhân có mục đích của mình. Có thể không tìm thấy sự đằm thắm trong tình yêu nhưng cả hai bên tham gia kết hôn vẫn đến với nhau bằng tình nghĩa vợ chồng. Qua các cuộc phỏng vấn sâu cho thấy, đa phần cuộc sống vợ chồng trong hôn nhân quốc tế này, theo quan điểm của họ là tốt đẹp. Các cô dâu và chú rể hài lòng với quyết định của mình.

Trong thời gian đầu, khi các cuộc kết hôn xuyên quốc gia trong phạm vi hẹp, mạng lưới xã hội bao gồm những người trong họ hàng, những người quen và bạn bè đóng vai trò quan trọng, nhưng theo thời gian việc kết hôn ngày càng được thị trường hóa. Đó là kết quả của quá trình môi giới có tổ chức.

Những thông tin phỏng vấn sâu các cô gái cho thấy, để làm quen được với các chú rể Đài Loan, các cô phải thông qua những người giới thiệu. Họ có thể là những người đã lấy chồng Đài Loan hoặc chồng của họ (28,6%), những người thân trong gia đình (10,2%), người trong họ hàng (14,3%), bạn bè (12,2%), hoặc hàng xóm (4,1%). Trong 51 cô gái đã lấy chồng, chỉ có 28,6% trường hợp các cô tự tham gia thi tuyển tại các tổ chức môi giới mang tính chuyên nghiệp tại thành phố Hồ Chí Minh. Đó là lý do tại sao thực tế, tỷ lệ thất bại trong hôn nhân Đài - Việt lại thấp hơn hình dung của nhiều người.

Động cơ của các cô gái khi kết hôn với người Đài Loan

Để biết cụ thể hơn những động cơ khi quyết định kết hôn của các cô gái, chúng tôi đã trò chuyện với chính những cô gái đã sống với chồng tại Đài Loan hiện đang về phép và những cô gái không may mắn trong những cuộc hôn nhân này, đã ly hôn, ly thân, trở về nước. Mỗi người có một hoàn cảnh khác nhau nhưng họ giống nhau ở một điểm là gia đình đều nghèo khó.

---

[5] Biên bản phỏng vấn Kha Ngọc Kiểm, Bí thư, văn phòng đại diện Kinh tế - Văn hóa Đài Bắc tại thành phố Hồ Chí Minh. Phỏng vấn lúc 10 giờ 30 ngày 24/04/2004

Trong bối cảnh chung như vậy, hoàn cảnh riêng của mỗi gia đình, mỗi cá nhân sẽ là những nguyên cớ thúc đẩy sự quyết định của họ. Trong các lý do mà các cô gái đưa ra, chúng tôi tạm thời nhóm lại thành 4 nhóm có ý kiến tương đối giống nhau và đặt tên chúng như những chỉ báo của các nhóm có nhu cầu thúc đẩy các động cơ khác nhau trong quyết định kết hôn của mình. (xem bảng 1).

Nhóm 1, nhu cầu muốn giúp đỡ gia đình. Từ nhu cầu này hình thành nên hai tiểu nhóm động cơ. Động cơ thứ nhất "mong muốn thông qua việc lấy chồng để có cơ hội tìm kiếm công ăn việc làm, tạo thu nhập cho gia đình". Rõ ràng, ở đây, việc kết hôn là cái cớ, là phương tiện thỏa mãn nhu cầu việc làm để giúp đỡ gia đình. Nhóm này chiếm tỷ lệ cao nhất (31.1%).

Động cơ thứ hai trong nhóm 1 thể hiện trong số các cô gái muốn lấy chồng giàu để giúp đỡ gia đình(chiếm 15,6%). Những cô gái trong nhóm này suy nghĩ rằng mình là phụ nữ, cần phải (và có thể) sống dựa vào chồng. Người chồng có nghĩa vụ lo lắng về vật chất không chỉ cho mình mà cả gia đình lớn của mình nữa. Qua biên bản phỏng vấn sâu, có thể nhận thấy những cô gái như vậy thường có trình độ học vấn thấp, không có nghề. Họ thường lấy chồng lớn tuổi và có nghề nghiệp ổn định.

Bảng 1: Động cơ kết hôn với người Đài Loan (%)

1. Muốn giúp đỡ gia đình	Muốn có chồng giàu để phụ giúp gia đình	15,6
	Lấy chồng Đài Loan để có thể đi làm kiếm tiền giúp gia đình	31,1
2. Muốn thoát khỏi hoàn cảnh hiện tại	Vì chồng Việt Nam hay say xỉn, đánh vợ, chồng Đài Loan thì không	4,4
	Để quên người yêu cũ	4,4
3. Muốn được hưởng thụ về vật chất	Thấy người ta có chồng sung sướng, cũng muốn cuộc sống của mình được tốt hơn, an nhàn hơn	20,0
	Được đi đây đó, đi mua sắm, du lịch	6,7
4. Kết hôn vì tình cảm	Vì thấy cũng có thiện cảm	17,8
Tổng		100,0

Nhóm 2, những cô gái muốn thoát khỏi hoàn cảnh hiện tại. Nhóm này lại cũng được hình thành bởi hai tiểu nhóm có động cơ khác nhau. Tiểu nhóm thứ nhất là: lấy chồng Đài Loan-để tránh phải lấy những người chồng ở địa phương được coi là hay "say xỉn, đánh vợ". Tiểu nhóm động cơ thứ hai là những cô gái lấy chồng để quên người yêu cũ.

Trong khi đó, thông tin từ những người đã lấy chồng Đài Loan, từ những người môi giới lại phản ánh một hình ảnh khác hẳn về cuộc sống ở Đài Loan cũng như cách ứng xử của người chồng Đài Loan. Chưa bàn đến độ chính xác của những thông tin, nhưng chính sự tương phản về hình ảnh cuộc sống ở Đài Loan và ở đồng

bằng sông Cửu Long đã làm cho họ có cách nhìn so sánh và từ đó đưa ra lựa chọn của mình (Khung 2).

Khung 2

"Tự mình thấy mấy đứa con gái ở đây có chồng say xỉn hoài à, bởi vậy nhìn mình thấy sợ, mới tự nguyện đi lấy chồng xa. Mấy đứa bạn tui về nó nói sống ở bển tốt hơn bên này, sướng hơn bên này nhiều lắm. Mà thiệt đời sống ở bển tốt hơn bên này nhiều."

Nguồn: PVS cô gái từ huyện Bình Minh, tỉnh Vĩnh Long

"Thật ra mình thấy cuộc sống ở đây cực quá, vật chất không thoải mái, còn bị đánh đập mà con trai thất nghiệp, rồi nghiện ngập, AIDS, lấy về nhiều khi mang nợ vào thân, sợ lắm. Còn lấy chồng bên kia ít bị đánh đập, cuộc sống vật chất thoải mái có thể giúp ba má ở nhà không phải lo về kinh tế nhiều. Chị có nhiều bạn lấy chồng ở Đài Loan, nghe kể lại thấy bà con quanh đây có con lấy chồng ở bển cũng sung sướng hạnh phúc."

Nguồn: PVS cô gái tại xã Tân Lộc, Thốt Nốt, thành phố Cần Thơ

Nhóm thứ ba gồm những cô gái muốn có cuộc sống sung sướng hơn và một số cô gái dù cuộc sống không quá vất vả nhưng muốn được đi đấy đi đó. Những cô gái thuộc về nhóm này khi nói về động cơ của việc kết hôn với người Đài Loan thường tâm sự, than phiền về cuộc sống vất vả của gia đình mình và những người xung quanh (lý do này chiếm 20,4%).

Một số cô gái khác trong nhóm này tỏ ra khá vô tư khi quyết định lấy chồng để được "đi đây đi đó", động cơ này chiếm 6.7%. Họ thực sự coi cuộc hôn nhân của mình như một chuyến du lịch dài mà họ không biết hết được những nơi mà họ phải đến, nơi đó có gì hay không và đâu là nơi họ phải dừng chân.

Nhóm 4, lấy chồng vì tình cảm. Vì thời gian gặp gỡ diễn ra rất ngắn, hơn nữa lại làm quen trong bối cảnh bất đồng ngôn ngữ có sự hiện diện của nhiều người, do vậy, chỉ có 8 cô gái trong số 45 cô trả lời rằng họ lấy chồng vì tình cảm. Nhiều cô gái nói rằng họ thực sự yêu chồng nhưng trong lời tâm sự, có thể thấy về tình cảm, đó là tình nghĩa vợ chồng hơn là loại tình cảm như một tình yêu đôi lứa.

Cần lưu ý rằng, động cơ lấy chồng ngoại của các cô gái tuy được phân loại và thống kê thành các tiêu chí như trên nhưng trong câu chuyện của họ, các động cơ này đôi khi vẫn đan xen lẫn nhau. Cũng có khi động cơ muốn giúp đỡ cho gia đình lại được trình bày cùng lúc với động cơ muốn đổi đời hoặc vì muốn được "đi đây đi đó" để mở rộng tầm mắt của mình, hoặc động cơ muốn có chồng giàu để giúp đỡ gia đình thường đi kèm với lý do muốn có cuộc sống an nhàn hơn... Nhưng nhìn chung lý do nổi lên nhất vẫn là kỳ vọng vào một cuộc sống tốt hơn cho mình thì mới có thể giúp đỡ được cho gia đình.

Như vậy, những động cơ muốn có chồng giàu hoặc động cơ lấy chồng Đài Loan để được tiếp cận với việc làm có thu nhập cao nhằm thỏa mãn nhu cầu giúp đỡ kinh tế cho gia đình là hai động cơ phổ biến nhất. Động cơ lấy chồng giàu để được sống

sướng hơn và được đi đây đi đó nhằm thỏa mãn nhu cầu hưởng thụ về vật chất cũng được tương đối nhiều cô gái hưởng ứng và đứng hàng thứ hai. Nhóm động cơ thứ ba là động cơ tình cảm. Cuối cùng là nhóm muốn tránh lấy những người chồng không triển vọng ở địa phương và để quên đi mối tình dang dở.

Vì những động cơ như vậy, với những gì được quảng cáo, tiếp thị và chứng kiến những thay đổi của các gia đình có con đã kết hôn với người Đài Loan trước đó, các cô đã có sự so sánh cuộc sống hiện tại của những người xung quanh và viễn cảnh có thể có trong tương lai. Lấy chồng Đài Loan vừa lo được cho bố mẹ, cuộc sống của mình cũng được sung sướng hơn. Hầu như các cô không nghĩ gì nhiều về cuộc sống tình cảm cá nhân sau này mà chủ yếu suy nghĩ cho gia đình mình trong hoàn cảnh trước mắt.

2. Vì sao hôn nhân Đài - Việt lại được chấp nhận trong cộng đồng đồng bằng sông Cửu Long?

Khi phân tích một cách khách quan về các loại hình hôn nhân đang tồn tại tại đồng bằng sông Cửu Long, có thể nhận thấy các loại hôn nhân khác nhau: hôn nhân vì tình cảm, hôn nhân có mục đích, hôn nhân theo truyền thống.

Hôn nhân tình cảm

Có thời kỳ thanh niên đã phải đấu tranh với thế hệ trước để lấy được người mình yêu, thì ngày nay, ngay ở nông thôn, hôn nhân vì tình yêu đã được coi như một chuẩn mực của xã hội hiện đại.

Trong các tiêu chuẩn về người vợ lý tưởng, thanh niên tại các tỉnh được khảo sát đều cho rằng hôn nhân phải dựa trên cơ sở tình yêu, nếu hôn nhân không xuất phát từ tình cảm thì không thể hạnh phúc được. Các tiêu chuẩn mà họ đưa ra trong các cuộc thảo luận nhóm thường mang tính lý tưởng hơn là trong thực tế (xem khung 3). Ở đây, yếu tố tình cảm được thanh niên đề cao, sau nữa là yếu tố đạo đức: ít thói hư tật xấu (đối với người chồng) và biết thương cảm nhường nhịn chồng (đối với người vợ), yếu tố kinh tế gia đình trở nên thứ yếu.

Khung 3

"Theo chúng tôi nghĩ, hôn nhân thì hai người phải có tình cảm sâu sắc dành cho nhau, từ tình cảm, tình yêu đó thì mới dẫn đến hôn nhân, nếu hôn nhân mà không có tình yêu chân thật, thì hôn nhân đó sẽ không hạnh phúc được..."

Nguồn: Thảo luận nhóm nam thanh niên, thị xã Gò Công, tỉnh Tiền Giang

"Người chồng lý tưởng là một người chăm lo làm ăn, yêu quý vợ con, hiền lành, ít có những thói hư tật xấu. Chủ yếu là phải yêu thương nhau thật lòng, tình cảm là chính, sau đó mới tính tới chuyện giàu sang hay vật chất, điều kiện kinh tế gia đình để sau.

Em thấy yêu thương nhau, phải hiểu nhau, tìm hiểu hai, ba năm chứ không chụp giựt hai, ba tháng là hổng được."

Nguồn: Thảo luận nhóm nữ thanh niên xã Thuận An, huyện Bình Minh, tỉnh Vĩnh Long

Hôn nhân theo truyền thống

Ngoài ra, một kiểu hôn nhân thường gặp ở các cộng đồng tương đối khép kín thời kỳ trước là hôn nhân theo truyền thống. Người ta hành động theo nếp mà người đi trước và những người xung quanh thường làm như một tập quán.

Trong văn hóa truyền thống của người Việt Nam, hôn nhân là do cha mẹ quyết định, môn đăng hộ đối là tiêu chuẩn cơ bản nhất, ông mai bà mối có vai trò quan trọng. Ngày nay, những tiêu chuẩn đó tuy không cần phải tuân thủ nghiêm ngặt nữa nhưng vẫn được lưu lại ở một số gia đình.

Hôn nhân theo mục đích

Hôn nhân có mục đích thường phổ biến trong xã hội hiện đại. Loại hôn nhân này thường đối lập với hôn nhân vì tình cảm. Trong hôn nhân mục đích, các tiêu chí đặt ra rất rõ ràng, còn trong hôn nhân tình cảm tuy vẫn tồn tại vài tiêu chuẩn không mang tính tình cảm, nhưng những tiêu chuẩn đó chủ yếu nhằm đảm bảo cho sự hạnh phúc trong đời sống hôn nhân, trong đó yếu tố tình cảm chiếm vị trí ưu tiên.

Trong hôn nhân có mục đích, người ta thường đặt ra một hay hai mục tiêu quan trọng nhất cần phải bằng mọi cách để đạt được. Những tiêu chuẩn về người bạn đời mà người dân đưa ra trong các cuộc thảo luận nhóm thường hướng về những tiêu chí như: phải có sức khoẻ, có nghề nghiệp ổn định, đàn ông thì phải đảm bảo được kinh tế cho gia đình, không ngược đãi vợ con, phụ nữ phải đảm đang, phải chiều chồng thương con, có hiếu với cha mẹ, biết nhường nhịn chồng... Tuy nhiên, những tiêu chuẩn mang tính lý tưởng này được phản ánh không giống nhau trong các trường hợp cụ thể. Tùy thuộc vào hoàn cảnh và nhu cầu của mỗi cá nhân mà động cơ được hình thành. Chẳng hạn như tiêu chuẩn "phải đảm bảo được kinh tế gia đình" đối với những gia đình khá giả thì không bao hàm cả kinh tế của gia đình lớn (gia đình cha mẹ). Nhưng đối với những gia đình khó khăn, các cô gái (và đôi khi cả những chàng trai nữa) với quan niệm phải "trả nghĩa"hoặc "báo hiếu" cho cha mẹ lại cần đến sự đảm bảo kinh tế không những cho gia đình của mình trong tương lai mà cả gia đình của cha mẹ trong hiện tại. Như vậy, sự đảm bảo kinh tế, nếu được coi như nhu cầu tối thượng sẽ trở thành động cơ thúc đẩy hành động kết hôn bằng mọi giá để đạt được mục đích kinh tế. Trong trường hợp này, hôn nhân, rất tiếc, được coi như một phương tiện để đạt được mục tiêu, các yếu tố khác trở nên không quan trọng.

Phần phân tích về lý do kết hôn cho chúng ta thấy rõ động cơ quan trọng của các cô gái Việt Nam trong hôn nhân xuyên quốc gia này. Không còn nghi ngờ gì nữa, đó là hôn nhân có mục đích, có tính toán. Các cô dâu Việt Nam cần một sự đảm bảo về kinh tế, còn các chú rể Đài Loan cần một người vợ. Trong hệ thống tiêu chuẩn cần đạt được trong hôn nhân của họ, tiêu chí tình yêu đã hoàn toàn bị bỏ qua. Mặt khác, quan niệm về hôn nhân truyền thống, về mặt hình thức vẫn còn tồn tại ở các địa phương, vì vậy các cuộc hôn nhân môi giới mang tính xuyên quốc gia như đang hiện hữu trong cộng đồng (gần giống với hôn nhân sắp đặt theo truyền thống) ẩn chứa bên

trong nó hôn nhân mục đích vẫn được chấp nhận. Đó cũng chính là một trong những lý do vì sao dư luận xã hội ở đồng bằng sông Cửu Long lại không phản ứng quá gay gắt với những cuộc hôn nhân Đài - Việt.

Để lý giải vì sao loại hôn nhân này lại trở nên phổ biến ở đồng bằng sông Cửu Long có lẽ cần phải viện đến đặc điểm văn hóa truyền thống ở khu vực này như là cơ sở của sự hình thành nhân cách của người Nam Bộ. Điều này khó có thể tìm thấy ở vùng đồng bằng Bắc Bộ tại cùng một thời điểm.

Nếu so sánh giữa văn hóa miền Bắc và văn hóa miền Nam, có thể thấy sự khác biệt rất lớn. "Văn hóa miền Nam với nhiều tầng cổ xưa có nguồn gốc khác với miền Bắc, và mới đây lại giao tiếp với nhiều luồng văn hóa phương Tây... Những biến thái, đôi khi tế nhị trong cách thức làm ăn, trong tổ chức gia đình và xã hội, trong phong tục tập quán, đạo đức và tôn giáo cũng như sự pha trộn dòng máu giữa các sắc tộc đã trở thành những đặc điểm nhân cách có ảnh hưởng đến hoạt động kinh tế - xã hội"[6]. Vì vậy, mặc dù trong xu thế hội nhập, người dân nông thôn miền Bắc cũng đã thay đổi đáng kể. Tuy nhiên yếu tố giá trị chuẩn mực truyền thống vẫn còn tác động đến hành vi con người mạnh hơn nhiều so với miền Nam.

Chính sự bảo lưu những giá trị, chuẩn mực và cùng với nó là những chế tài không chính thức trong truyền thống đã cản trở những quyết định về hành vi không phù hợp với chuẩn mực chung của người dân ở vùng đồng bằng Bắc Bộ. Đối với họ, lấy chồng ngoại là điều bất thường. Đối với người dân Nam Bộ, như đã phân tích, tình hình không diễn ra như vậy. Những thông tin định tính và định lượng cho thấy sự kiểm soát xã hội của những cộng đồng ở đồng bằng sông Cửu Long không chặt chẽ, mặc dù nơi này nơi khác, lúc này lúc khác, yếu tố cộng đồng vẫn được đề cao nhưng khi có sự vi phạm chuẩn mực, các biện pháp chế tài (lời chê bai, sự phê phán...) hoặc không thể hiện hoặc không quá nghiêm khắc. Dù muốn dù không cũng phải thừa nhận rằng yếu tố cá nhân ở cộng đồng Nam Bộ được đề cao hơn. Người dân tự do lựa chọn theo ý mình hơn. Đồng thời, với những đặc điểm đó, các cô gái Nam Bộ cũng không quá khó tính, dễ dàng chấp nhận chú rể Đài Loan hơn. Chính vì thế, sự lây lan hiện tượng kết hôn với người Đài Loan đã ngày càng rộng hơn.

THAY LỜI KẾT

1. Động cơ nổi bật trong quyết định kết hôn với người Đài Loan của các cô gái là kỳ vọng vào sự cải thiện kinh tế cho gia đình của họ. Kế tiếp là sự mong muốn có được một cuộc sống tốt đẹp hơn, được mở mang tầm mắt hơn. Bên cạnh những lý do chính đó, cũng tồn tại một vài lý do khác có liên quan đến hoàn cảnh riêng của từng người. Tuy nhiên, sự mong muốn có được cuộc sống khá hơn cho mình và cả chính gia đình lớn của mình là động cơ quan trọng nhất thúc đẩy sự kết hôn đặc biệt này. Yếu tố tác động đến những động cơ đó không chỉ là sự hạn chế về kinh tế - xã hội nói chung ở đồng bằng sông Cửu Long, là những khó khăn của gia đình mà cả những

[6] Đỗ Thái Đồng: *Cơ cấu xã hội - văn hóa ở miền Nam, nhìn theo mục tiêu phát triển của cả nước*. Tạp chí *Xã hội học*, số 1/1991.

quan niệm được hình thành từ hệ thống giá trị của cộng đồng, trong đó quan niệm về sự báo hiếu đối với cha mẹ đang được đề cao.

2. Tuy nhiên, như vậy chưa đủ, những cảm nhận âm tính từ thực tế về những triển vọng trong cuộc sống của những người xung quanh (về công ăn việc làm, về sự khó khăn trong đời sống và sự đánh giá của họ về tính kém hiệu hiệu quả các phương cách khắc phục). Trong khi đó, những thông tin một chiều về cuộc sống tốt đẹp ở Đài Loan lại đang đến với họ từ nhiều phía (những hình ảnh và câu chuyện của những người đã lấy chồng ngoại, sự quảng cáo có hiệu quả của những người môi giới...). Tất cả những điều đó đã củng cố niềm tin cho họ về hướng đã chọn.

3. Đồng thời, sự lựa chọn này cũng có khả năng bị bác bỏ nếu như nó vấp phải rào cản từ phía dư luận xã hội. Đó là thái độ của những người xung quanh. Nếu cộng đồng phản đối mạnh mẽ, các cô gái sẽ phải suy nghĩ lại hoặc họ cũng bị chính cha mẹ và những người thân vì áp lực của dư luận xã hội ngăn cản. Chính vì vậy, theo logic, nhu cầu không được đáp ứng ở địa phương đã cùng với những yếu tố khác thúc đẩy động cơ kết hôn với người Đài Loan của các cô gái. Đến lượt mình, những hành động của các cô gái này không vấp phải sự phản kháng của cộng đồng, được sự ủng hộ của pháp luật, đương nhiên sẽ hình thành nên một "tâm thế lấy chồng ngoại" của các cô gái khác trong cộng đồng.

4. Từ những gì đã phân tích ở trên, chúng tôi cho rằng, vấn đề nhân phẩm con người không nên nhìn một cách vội vàng và phiến diện. Trong bối cảnh kinh tế - xã hội như ở Đài Loan nói chung và những cộng đồng nghèo, đây là một cách ứng xử hợp lý để đảm bảo cho điều kiện tồn tại của nhóm gia đình. Không nên vội vàng đánh giá đó là những hành động mang tính thấp kém về nhân phẩm như nhiều người đã từng phát biểu.

Nguyên nhân kết hôn của các nhóm không đồng nhất. Cần phân loại các nguyên nhân tương ứng với những đặc điểm nhân khẩu - xã hội của từng nhóm, không nên đánh giá chung chung. Có như vậy mới có thể làm tốt công tác vận động và tuyên truyền (các biện pháp cần thích ứng với từng nhóm đối tượng).

KIẾN NGHỊ

Vấn đề hôn nhân Đài - Việt là hiện tượng xã hội cần được nhìn nhận một cách khách quan. Những cô gái tham gia kết hôn với người Đài Loan cần được quan tâm đúng mức.

Các cô gái chuẩn bị sang Đài Loan để sống với chồng nhưng những kiến thức sơ đẳng nhất về quan hệ tình dục, về sức khoẻ sinh sản, về tổ chức gia đình của các em rất hạn chế. Ngoài ra, khi học tiếng, các cô chỉ được học ngôn ngữ nhưng không học văn hóa ứng xử của xã hội Đài Loan. Điều đó cản trở rất nhiều đến hạnh phúc gia đình. Ngoài, khi thực hiện các thủ tục kết hôn, vì không có kiến thức xã hội và không được hướng dẫn nên hầu hết các chị em phải nhờ môi giới hoặc những người làm dịch vụ thực hiện hộ, dù họ không phải diện "đi thi tuyển".

Cần có những biện pháp thiết thực ngăn chặn việc lợi dụng việc môi giới trục

lợi và buôn bán phụ nữ. Hiện nay, cùng với việc cấm các công ty tư nhân hoạt động dịch vụ môi giới, Nhà nước đã giao cho Hội Liên hiệp Phụ nữ lập các trung tâm hỗ trợ kết hôn cho những trường hợp hôn nhân có yếu tố người nước ngoài. Tuy nhiên, đến thời điểm chúng tôi xuống địa bàn của 6 tỉnh nghiên cứu vẫn chưa có trung tâm nào chính thức được thành lập, tất cả mọi dự tính vẫn chưa được thể hiện thành các đề án. Việc hoàn thiện quy chế hoạt động cho các trung tâm hỗ trợ là cần thiết. Đồng thời, chúng tôi đề nghị nên chăng đưa vào quy định mang tính pháp lý, những người muốn tham gia kết hôn phải qua một khóa tập huấn ở trung tâm hỗ trợ kết hôn. Nếu như các trung tâm không xây dựng được đề án mang tính khả thi thì cũng không được hoạt động. Đồng thời, để thực hiện được điều đó, cần xây dựng một đề án đào tạo những cán bộ của trung tâm, trong đó đưa ra các chương trình giảng dạy theo phương pháp giáo dục người lớn.

Tài liệu tham khảo:

1. Nghèo. Báo cáo phát triển Việt Nam 2004. Báo cáo chung của các nhà tài trợ tại Hội nghị Tư vấn các nhà tài trợ Việt Nam. Hà Nội, 2-3 tháng 12 năm 2003.
2. Báo cáo thống kê của Văn phòng đại diện Kinh tế - Văn hóa Đài Bắc tại thành phố Hồ Chí Minh
3. Xem Mai Huy Bích: *Xã hội học gia đình*. Nxb Khoa học xã hội. Hà Nội - 2003
4. Hong-zen Wang and Shu-ming chang the Comodification of International Marriages: Cross border Marriage Business in Taiwan and Vietnam.- Blackwell Publishers Ltd
5. Biên bản phỏng vấn Kha Ngọc Kiểm, Bí thư, Văn phòng đại diện Kinh tế - Văn hóa Đài Bắc tại thành phố Hồ Chí Minh. Phỏng vấn lúc 10 giờ 30 ngày 24/04/2004.
6. Đỗ Thái Đồng: *Cơ cấu xã hội - văn hóa ở miền Nam, nhìn theo mục tiêu phát triển của cả nước*. Tạp chí *Xã hội học*, số 1/1991.